HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44 /2026/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ phòng thủ dân sự thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 238/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ phòng thủ dân sự thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 170/BC-BPC ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ phòng thủ dân sự thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ phòng thủ dân sự thành phố Đồng Nai để hỗ trợ hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa và các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quỹ phòng thủ dân sự thành phố;

b) Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra;

c) Lực lượng được cấp có thẩm quyền huy động tham gia ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa;

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và thụ hưởng từ Quỹ phòng thủ dân sự thành phố.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc sử dụng kinh phí Quỹ phòng thủ dân sự phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật; không chồng chéo, trùng lặp và không vượt quá phạm vi dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hằng năm.

2. Trường hợp đối tượng được hưởng nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

3. Kinh phí hỗ trợ đối với các đối tượng được thực hiện trên cơ sở mức chi quy định tại Nghị quyết này và khả năng cân đối nguồn kinh phí của Quỹ.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Hỗ trợ các hoạt động ứng phó sự cố, thảm họa:

a) Sơ tán người dân khỏi nơi nguy hiểm: chi hỗ trợ chi phí thuê người, thuê phương tiện vận chuyển người và tài sản.

Mức chi: thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh hoặc theo hợp đồng thuê, hợp đồng khoán công việc trọn gói, hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

b) Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán:

Hỗ trợ chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống: mức chi 100.000 đồng/người/ngày theo số ngày thực tế phải sơ tán.

c) Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa: mức hỗ trợ lực lượng trực tiếp được huy động tham gia ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa: áp dụng theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP.

2. Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, cơ sở vật chất học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do sự cố, thảm họa.

- Hỗ trợ khẩn cấp về lương thực: thực hiện theo mức quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất học tập (sách, vở, phương tiện học tập): theo thực tế, nhưng tối đa 400.000 đồng/học sinh, sinh viên, học viên/đợt sự cố, thảm họa.

- Hỗ trợ nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác: hỗ trợ theo thực tế, nhưng tối đa 300.000 đồng/người/đợt sự cố, thảm họa.

- Hỗ trợ chi phí điều trị cho người bị thương nặng: mức hỗ trợ áp dụng theo

định mức tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP.

- Hỗ trợ chi phí mai táng cho hộ gia đình có người chết: mức hỗ trợ áp dụng theo định mức tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình có người mất tích: mức hỗ trợ áp dụng theo định mức tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP.

b) Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng sự cố, thảm họa.

- Cá nhân, hộ gia đình có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do sự cố, thảm họa mà không còn nơi ở: mức hỗ trợ áp dụng theo định mức tại điểm a khoản 4 Điều 12 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP.

- Cá nhân, hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa: mức hỗ trợ áp dụng theo định mức tại điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP.

- Cá nhân, hộ gia đình có nhà ở bị hư hỏng nặng do sự cố, thảm họa mà không ở được: được xem xét hỗ trợ theo thực tế, mức quy định tại điểm c khoản 4 Điều 12 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP. Việc xác định mức độ thiệt hại thực hiện theo kết quả kiểm tra, xác minh của cơ quan có thẩm quyền và các quy định chuyên ngành có liên quan.

- Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng sự cố, thảm họa: theo thực tế trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh, mức độ ảnh hưởng của sự cố, thảm họa và khả năng cân đối nguồn Quỹ phòng thủ dân sự.

- Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học: theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

c) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do sự cố, thảm họa: mức chi theo Điều 5 Nghị định 09/2025/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

d) Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt: theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

e) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa: theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

3. Các nội dung chi khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa I, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế: Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành của thành phố;
- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng Cổng thông tin điện tử thành phố);
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Tôn Ngọc Hạnh